

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/HS-ST

Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương;

2. Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Duy T, sinh năm 1984, tại: tỉnh Thanh Hóa. Căn cước công dân số 038084004230; nơi đăng ký thường trú: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Duy T1 và bà Trần Thị T2; bị cáo có vợ tên Lê Thị T3, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12 tháng 9 năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 tháng tính từ ngày tuyên án (12/9/2007) về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2007/HSST. Đóng án phí và tiền truy thu ngày 18/02/2008; chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 12/3/2011.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Lê Thị Kiều T4, sinh năm 2003, tại: tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ). Căn cước công dân số 094303005826; nơi đăng ký thường trú: ấp T,

xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị K; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: 1056/2/25/27/2/17, Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: Số A đường N, khu phố B, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long); nơi ở hiện tại: số nhà A đường N, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Kiều Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn D, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Tô Văn T5, vắng mặt;

2. Ông Đặng Trung T6, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Kiều T4 có mối quan hệ bạn bè, quen biết với Trần Thị Kim N, sinh năm 2000, cư trú tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và Trịnh Duy T; T là bạn của Phạm Văn B, sinh năm 1983, thường trú tại phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 24/10/2024, T rủ T4, B và N đi đến quán bar S ở phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) để chơi. Sau khi T, T4, B và N vào trong quán được một lúc thì có một nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi đến bàn của T đưa cho T 01 tờ giấy được vo tròn, bên trong có 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1000đồng, 02 viên ma túy “Thuốc lắc” (ma túy loại MDMA) và ma túy “Khay” (ma túy loại Ketamine) đã được cả mịn sẵn. T cầm tờ tiền có chứa ma túy K1 đặt lên bàn rồi cầm 02 viên Thuốc lắc bẻ đôi từng viên rồi đưa cho B, N và T4 cùng sử dụng, T cũng lấy nửa viên Thuốc lắc tự sử dụng. Tiếp đó, T lấy một ít ma túy Khay trên tờ tiền đổ lên mu bàn tay rồi hít vào cơ thể qua đường mũi rồi T tiếp tục dùng đoạn ống hút lấy ma túy K1 đổ lên mu bàn tay của B, N và T4 để cả ba cùng hít. Thạo tiếp tục sử dụng ma túy K1 được thêm 03 lần nữa thì hết số ma túy Khay trên bàn. Cả nhóm ngồi chơi đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/10/2024 thì T tính tiền rồi cả nhóm ra về. Sau đó, T điều khiển xe ô tô hiệu Mazda 3, màu

đỏ, biển số 49A – 507.67 chở cả nhóm tìm nhà nghỉ để ngủ. Trên đường đi, T kêu T4 tìm thuê phòng bay, loa, đèn và mua ma túy để sử dụng tiếp thì T4 đồng ý và liên hệ với đối tượng nam thanh niên sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo tên “Phạm Bình” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua “nửa hộp năm” ma túy K1, 02 viên ma túy Thuốc lắc và thuê loa, đèn thì B1 báo giá là 4.000.000 đồng, T4 nói lại với T thì T đồng ý. Sau đó, T chở cả nhóm đến nhà nghỉ T8, địa chỉ tại số C, đường D, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thuê phòng để sử dụng ma túy. Khi đến nơi, T đến quầy lễ tân thuê 02 phòng số 313 và 314, Thạo vào phòng 313 cùng với T4, còn B vào phòng 314 cùng với N. Một lúc sau, đối tượng Phạm B1 gọi cho T4 nói phải đặt cọc trước số tiền 1.000.000 đồng mua ma túy và gửi số tài khoản của Phạm Bình Q cho T4, T4 nói lại với T thì T đồng ý. Sau đó, T sử dụng tài khoản số 7778688 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á chuyên đến tài khoản số 88397919091999 tên “P1” mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền 1.000.000 đồng để đặt cọc. Một lúc sau, Phạm B1 nhắn tin cho T4 nói là có người đến giao loa, đèn thì T4 cùng T ra cổng nhà nghỉ nhận loa, đèn mang lên phòng. Khoảng 30 phút sau, Phạm B1 tiếp tục nhắn tin cho T4 nói có người đến giao ma túy thì T4 cùng T tiếp tục đi ra phía trước cổng nhà nghỉ nhận ma túy. Lúc này, có một người nam thanh niên đứng đợi ở đây, khi gặp người thanh niên T nói với T4 là T không đủ tiền nên kêu T4 trả trước tiền mua ma túy T sẽ trả lại cho T4 sau, T4 đồng ý. Sau đó, T4 sử dụng tài khoản ngân hàng số 1039111833 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 chuyển đến tài khoản số 88397919091999 của P số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền xong thì đối tượng nam thanh niên đưa cho T4 01 túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy K1 và 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 02 viên ma túy Thuốc lắc. Sau khi lấy được loa, đèn và ma túy thì T đến gặp quản lý của nhà nghỉ T8 là anh Tô Văn T5, sinh năm 1984, thường trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) mượn 01 cái đĩa nhưng anh T5 không cho nên T và T4 mang loa, đèn và ma túy đi lên phòng số 314. Tiếp đó, T4 dùng điện thoại của T4 kết nối với loa để mở nhạc, còn T thì rút chui cắm điện của tivi trong phòng để cắm chui điện của đèn laser lên. Lúc này, T4 nhắn tin cho N kêu N qua phòng 314 cùng sử dụng ma túy chung với T và T4, N đồng ý. Sau khi N qua phòng 314, T lấy một ít ma túy Khay đổ lên mặt sau của gạt tàn thuốc lá trong phòng rồi lấy thẻ căn cước công dân của T cả mìn ma túy Khay ra và kẻ thành nhiều đường rồi đưa cho T4 và N mỗi người nửa viên Thuốc lắc sử dụng (Thạo không sử dụng ma túy thuốc lắc). Tiếp đó, T đưa ma túy K1 cho T4 và N sử dụng (T4 và N mỗi người hít 01 đường ma túy Khay), T cũng tự mình hít một đường ma túy K1. Sau khi sử dụng ma túy Khay xong, cả ba nằm ngủ. Riêng Phạm Văn B thì đang ngủ tại phòng 313 nên không tham gia sử dụng ma túy. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày 25/10/2024, Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đến kiểm tra hành chính, phát hiện trong phòng 314 có một số dụng cụ sử dụng ma túy và còn một ít ma túy K1 cùng T7 lắt trên bàn nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ số vật chứng gồm:

- 01 gạt tàn thuốc lá bằng kim loại.

- 01 tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được xoắn thành hình trụ.
- 01 căn cước công dân số 038084004230, tên Trịnh Duy T.
- 01 loa nhãn hiệu Harman Kardon.
- 01 bộ đèn lazer màu đen.
- 01 túi nylon miệng kéo dính có chứa 01 viên nén màu xanh (mẫu M1 có khối lượng 0,4824 gam đã được niêm phong theo quy định).
- 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (mẫu M2 có khối lượng 1,2917 gam đã được niêm phong theo quy định).
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11 5G, màu xanh (thu giữ của Trịnh Duy T).
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 5G, màu xanh-đen (thu giữ của Lê Thị Kiều T4).
- 01 xe ô tô hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 49A – 507.67. (*Bút lục số: 01 – 16; 114 – 125; 146 – 191*)

Tiếp đó, lực lượng Công an tiếp tục kiểm tra phòng số 313 thì phát hiện Phạm Văn B đang ngủ trong phòng. Cùng ngày, Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đã bàn giao hồ sơ vụ việc cùng số vật chứng đã thu giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. (*Bút lục số: 126 – 135*)

Tiến hành test nhanh chất ma túy trong cơ thể đối với Lê Thị Kiều T4, Trần Thị Kim N, Phạm Văn B, Trịnh Duy T, xác định tất cả đều dương tính với chất ma túy MDMA (Thuốc lắc). (*Bút lục số: 136 – 139*)

Theo Kết luận giám định số 5062/KL-KTHS(MT) ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: Viên nén màu xanh gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng/trọng lượng: 0,4824 gam (M1). Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng/trọng lượng: 1,2917 gam (M2). M1 đã phục vụ hết cho công tác giám định.

Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án khu vực 15 đề nghị xử lý vật chứng gồm:

- Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tịch thu tiêu hủy:
 - + 01 bì thư niêm phong ghi số 5062/PC09 có chữ ký của người bị bắt Lê Thị Kiều T4, cán bộ trả mẫu Nhan Thái H1, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Nam P và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, bên trong chứa 1,2656 gam ma túy, loại Ketamine (là mẫu vật hoàn lại sau giám định).
 - + 01 gạt tàn thuốc lá bằng kim loại (là công cụ sử dụng vào việc phạm tội).

- Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01 loa nhãn hiệu Harman Kardon.

+ 01 bộ đèn lazer màu đen.

+ 01 tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được xoắn thành hình trụ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11 5G, màu xanh.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 5G, màu xanh-đen.

- Đề nghị trả lại cho Trịnh Duy T 01 căn cước công dân số 038084004230 tên Trịnh Duy T.

Đối với xe ô tô hiệu MAZDA 3 màu đỏ biển số: 49A-507.67, số máy: P520810353, số khung: RN2314AΛONM089573 thuộc sở hữu của bà Kiều Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn D, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Tháng 01/2023 bà L cho ông Kiều Văn N1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) là em ruột của bà L mượn sử dụng xe ô tô trên. Tháng 3 năm 2024, ông Kiều Văn N1 cho Phạm Văn B mượn xe để làm phương tiện đi lại; bà L, ông N1 không biết việc Phạm Văn B đưa xe cho Trịnh Duy T thực hiện hành vi phạm tội nên ngày 02 tháng 01 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho bà L. Hiện bà L không có yêu cầu gì khác.

Ngày 29/10/2024, Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn B và Trần Thị Kim N mỗi người số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSKV15 ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trịnh Duy T về các tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Thị Kiều T4 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Duy T từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 13 (mười ba) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều T4 từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù đến 12 (mười hai) năm tù.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư niêm phong ghi số 5062/PC09 có chữ ký của Lê Thị Kiều T4, cán bộ trả mẫu Nhan Thái H1, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Nam P và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, bên trong chứa 1,2656 gam ma túy, loại Ketamine (là mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 gạt tàn thuốc lá bằng kim loại (là công cụ sử dụng vào việc phạm tội),

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) loa nhãn hiệu Harman Kardon; 01 (một) bộ đèn laser màu đen; 01 (một) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được xoắn thành hình trụ; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11 5G, màu xanh; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 5G, màu xanh-đen;

Trả lại cho Trịnh Duy T 01 căn cước công dân số 038084004230 tên Trịnh Duy T.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Đề xuất kiến nghị khắc phục hoặc biện pháp phòng ngừa vi phạm và tội phạm (nếu có): Đối với đối tượng Phạm B1 là người đã bán ma túy cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo Trịnh Duy T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Lê Thị Kiều T4 nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Duy T và Lê Thị Kiều T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết luận giám định cùng những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Rạng sáng ngày 25/10/2024, tại quán bar S, địa chỉ tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), Trịnh Duy T đã có hành vi cung cấp ma túy K1 (ma túy loại Ketamine) và ma túy thuốc lắc (ma túy loại MDMA) cho Lê Thị Kiều T4, Phạm Văn B và Trần Thị Kim N cùng sử dụng chung với T. Sau đó, khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày 25/10/2024, tại nhà nghỉ T8, địa chỉ tại số C, đường Đ, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Trịnh Duy T và Lê Thị Kiều T4 đã cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức cho Trần Thị Kim N và T, T4 cùng sử dụng trái phép chất ma túy, loại Khay và T7 lắc thì bị phát hiện. Ngoài ra, Trịnh Duy T và Lê Thị Kiều T4 còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,4824 gam ma túy, loại MDMA và 1,2917 gam ma túy, loại Ketamine để sử dụng.

[2.2] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị truy tố bị cáo Trịnh Duy T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị truy tố bị cáo Lê Thị Kiều T4 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án, bị cáo Trịnh Duy T là người trực tiếp bê ma túy (Thuốc lắc) ra rồi dùng cân cước công dân cả mìn ma túy Khay, chia thành nhiều đường rồi đưa cho bị cáo T4 và N cùng sử dụng. Đồng thời, T là người thuê phòng và chuyển số tiền 1.000.000đồng để đặt mua ma túy và thuê loa, đèn để các bị cáo cùng sử dụng ma túy. Bị cáo T4 là người liên hệ với đối tượng Phạm B1 để mua ma túy và liên hệ thuê loa, đèn để sử dụng ma túy cùng với T và là người rủ rê Trần Thị Kim N sử dụng ma túy. Đồng thời, T4 còn trả số tiền mua ma túy là 3.000.000đồng cùng với T.

[4] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hiện nay, tình hình nghiện hút, mua bán, vận chuyển và tàng trữ trái pháp chất ma túy đang diễn ra

phức tạp trong mọi tầng lớp, tệ nạn này là mối quan tâm của toàn xã hội; một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn này chưa được đẩy lùi một phần là do có sự tiếp tay của các bị cáo. Do đó, cần xét xử các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trịnh Duy T và Lê Thị Kiều T4 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên toà là phù hợp.

[8] Đối với đối tượng Phạm B1 là người đã bán ma túy cho các bị cáo tại quán bar S, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn B và Trần Thị Kim N đã bị Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04-05/QĐ-XPHC cùng ngày 29 tháng 10 năm 2024.

[10] Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 bì thư niêm phong ghi số 5062/PC09 có chữ ký của Lê Thị Kiều T4, cán bộ trả mẫu Nhan Thái H1, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Nam P và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, bên trong chứa 1,2656 gam ma túy, loại Ketamine (là mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 gạt tàn thuốc lá bằng kim loại Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) loa nhãn hiệu Harman Kardon; 01 (một) bộ đèn laser màu đen; 01 (một) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được xoắn thành hình trụ; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11 5G, màu xanh; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 5G, màu xanh-đen;

Trả lại cho Trịnh Duy T 01 căn cước công dân số 038084004230 tên Trịnh Duy T.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Duy T và Lê Thị Kiều T4 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trịnh Duy T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trịnh Duy T 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trịnh Duy T chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều T4 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Thị Kiều T4 chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) bì thư được niêm phong ghi số: 5062/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số: 3256/QĐ-CQCSĐT, ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương). Có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Lê Thị Kiều T4 (người chứng kiến); Nhan Thái H1 (Bên trả mẫu); Nguyễn Nam P (Bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS - Công an tỉnh B.

Khối lượng mẫu niêm phong: M2 = 1,2656 gam.

M1 phục vụ hết cho công tác giám định, theo Kết luận số 5062/KL-KTHS(MT) ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B;

+ 01 (một) gạt tàn thuốc lá bằng kim loại.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) loa nhãn hiệu Harman Kardon;

+ 01 (một) bộ đèn lazer màu đen; 01 (một) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được xoắn thành hình trụ;

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11 5G, màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 5G, màu xanh-đen.

- Trả lại cho Trịnh Duy T 01 căn cước công dân số 038084004230 tên Trịnh Duy T.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 53.26 ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trịnh Duy T và Lê Thị Kiều T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Duy Nhân

